

Hậu quả của việc áp dụng miễn trách nhiệm hình sự: Lý luận, thực tiễn và hướng hoàn thiện pháp luật



Là một trong những chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam, miễn trách nhiệm hình sự (TNHS) thể hiện chính sách phân hóa TNHS và nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta đối với người phạm tội, đồng thời động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo, nhanh chóng hòa nhập cộng đồng và trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, miễn TNHS đối với một người có thể sẽ dẫn đến hậu quả gì là vấn đề chưa được khoa học luật hình sự quan tâm nghiên cứu và cũng chưa được các nhà làm luật nước ta giải quyết dứt khoát trên phương diện lập pháp hình sự.

1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của miễn trách nhiệm hình sự

Ở nước ta, khái niệm miễn TNHS chưa được giải thích trong các văn bản pháp luật thực định. Trong khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài cũng còn nhiều quan điểm không thống nhất về nội dung và nội hàm khái niệm này¹. Chúng tôi cho rằng, dưới

góc độ khoa học luật hình sự, miễn TNHS được hiểu là việc không buộc một người đáp ứng những điều kiện nhất định phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do người đó đã thực hiện hành vi phạm tội, mà vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Dưới góc độ pháp lý - xã hội, miễn TNHS có đặc điểm²:

- Cũng như TNHS, miễn TNHS thể hiện sự phản ứng (lên án) đối với người có hành vi phạm tội từ phía Nhà nước và xã hội.

- Miễn TNHS phản ánh chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam. Chính sách phân hóa này “cũng là một cách hiệu nghiệm của việc thực hiện tốt nguyên tắc không để lọt tội phạm và người phạm tội... việc quy định chế định miễn TNHS... chứng tỏ rằng, con đường cơ bản, hậu quả cơ bản của tội phạm là TNHS, hình phạt và chấp hành hình phạt, còn tha miễn chỉ là trường hợp cá biệt, cụ thể, khi hoàn cảnh cụ thể đòi hỏi...”³.

- Miễn TNHS thể hiện nội dung nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam là “ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng”, “trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục, cải tạo”.

- Miễn TNHS có mối quan hệ chặt chẽ và mật thiết với TNHS, nhiều nội dung về miễn TNHS được xuất phát từ TNHS. Ngoài ra, cũng như TNHS, miễn TNHS chỉ áp dụng đối với người mà hành vi của họ đã thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự (BLHS), nhưng họ lại có những điều kiện nhất định để được miễn TNHS.

- Người được miễn TNHS không phải chịu các hậu quả pháp lý hình sự bất lợi của việc phạm tội, nhưng có thể phải chịu hậu quả bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế phi hình sự được quy định trong các ngành luật tương ứng khác.

Như vậy, không phải bất kỳ trường hợp nào một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm, bị xã hội lên án và đáng bị xử lý về hình sự đều phải chịu TNHS, mà có trường hợp xét thấy không cần phải áp dụng TNHS đối với người đó vẫn có thể đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội và phù hợp với nguyên tắc *nhân đạo* của luật hình sự, thì theo quy định của pháp luật, họ được miễn TNHS.

2. Hậu quả của việc áp dụng miễn trách nhiệm hình sự

Theo Từ điển Tiếng Việt, hậu quả là “kết quả không hay về sau”⁴. Lẽ dĩ nhiên, không thể căn cứ vào Từ điển tiếng Việt để xây dựng thuật ngữ luật hình sự. Song, căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng, dưới góc độ chung, hậu quả của việc áp dụng miễn TNHS được hiểu là kết quả bất lợi do pháp luật quy định (hoặc do việc miễn TNHS đưa lại) cho người có hành vi phạm tội khi đáp ứng những điều kiện nhất định.

Số vụ	Biện pháp cưỡng chế phi hình sự khác	Cơ quan áp dụng
04	Xử lý hành chính	Viện kiểm sát
01		Tòa án
02	Buộc bồi thường thiệt hại	Tòa án
01	Tạm giữ tang vật	
02	Không áp dụng biện pháp nào	Cơ quan Điều tra
11		Viện kiểm sát
03		Tòa án

Là một chế định của luật hình sự Việt Nam, hậu quả pháp lý trực tiếp của miễn TNHS là một vấn đề quan trọng mà thực tiễn vẫn áp dụng nhưng cần phải làm sáng tỏ trên bình diện khoa học luật hình sự. Xuất phát từ nội dung, cơ sở của TNHS, thì miễn TNHS chỉ áp dụng đối với người mà hành vi của họ đã thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm của BLHS, nhưng họ lại có những điều kiện nhất định để được miễn TNHS. Từ khái niệm hậu quả của miễn TNHS kết hợp với thực tiễn áp dụng cho thấy vấn đề này cần xem xét dưới hai góc độ sau:

2.1. Hậu quả pháp lý hình sự

Trên cơ sở nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự hiện hành có liên quan đến TNHS và miễn TNHS cho thấy, người được miễn TNHS không phải chịu các hậu quả pháp lý hình sự bất lợi của việc phạm tội như: họ (có thể) không bị truy cứu TNHS, không bị kết tội, không phải chịu hình phạt hoặc biện pháp cưỡng chế về hình sự khác và không bị coi là có án tích... Ở đây là họ *có thể* không bị truy cứu TNHS... chứ không thể khẳng định một cách dứt khoát rằng, miễn TNHS đối với người phạm tội tức là miễn *truy cứu* TNHS... Bởi lẽ, theo các quy định của pháp luật Việt Nam, giả thiết rằng nếu ở giai đoạn truy tố hoặc xét xử, người phạm tội mới được Viện kiểm sát hoặc Tòa án áp dụng văn bản (hay bản án) đình chỉ vụ án và miễn TNHS, thì lúc này, việc truy cứu TNHS người đó đã được tiến hành và trải qua một giai đoạn trước đó (giai đoạn điều tra hoặc truy tố), cũng như Cơ quan Điều tra (hoặc Viện kiểm sát) đã đưa người này vào vòng tố tụng rồi.

Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự, người được miễn TNHS không phải chịu bất kỳ hậu quả gì dưới góc độ pháp lý hình sự. Tính cưỡng chế (trấn áp) về mặt hình sự của chế định miễn TNHS khi áp dụng đối với người phạm tội là không có.

2.2. Hậu quả xã hội - pháp lý

Dưới góc độ pháp lý- xã hội nói chung, người được miễn TNHS phải gánh chịu hậu quả xã hội - pháp lý nhất định. Điều này được thể hiện trên các phương diện:

Về mặt xã hội: người được miễn TNHS bị Nhà nước, xã hội và công luận lên án hành vi phạm tội. Diễn biến, phân tích vụ việc, hành vi và quá trình điều tra họ, tùy thuộc vào các giai đoạn TTHS tương ứng (điều tra, truy tố hay xét xử) được dư luận quan tâm vì họ bị coi là người đã thực hiện hành vi phạm tội. Do bị xã hội lên án, người được miễn TNHS cũng coi như phải chịu sự tác động, ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần và danh dự của mình và ở một chừng mực nhất định, họ đã bị “hạ thấp vị thế” trước cơ quan, đơn vị, tổ chức và cộng đồng dân cư.

Về mặt pháp lý: người được miễn TNHS không được bồi thường thiệt hại theo quy định của Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009.

Ngoài ra, thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành TTHS ở nước ta trong thời gian qua cho thấy, người được miễn TNHS vẫn có thể phải chịu các biện pháp cưỡng chế phi hình sự thuộc các ngành luật tương ứng, như: bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn (bắt, tạm giữ, tạm giam...) theo quy định của pháp luật TTHS; buộc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự; xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật hành chính; bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật lao động;... Những biện pháp này có thể được coi là biện pháp hỗ trợ nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội, cũng như thể hiện sự lên án hành vi phạm tội của họ, dù họ không phải chịu hậu quả pháp lý hình sự về hành vi của mình. Hơn nữa, điều đó cũng thể hiện nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam. Nghiên cứu ngẫu nhiên 24 vụ án được áp dụng miễn TNHS cho các bị can, bị cáo trong những năm gần đây ở nước ta cho thấy, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế phi hình sự thuộc các ngành luật tương ứng khác không có sự thống nhất, cụ thể là⁵:

Đặc biệt, gần đây nhất, bị can V. (công tác ở một Bộ) đã được Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) đình chỉ điều tra và miễn TNHS (Quyết định đình chỉ ngày 28/3/2008) cũng không áp dụng biện pháp cưỡng chế phi hình sự nào khác⁶, nhưng sau đó, ngày 11/4/2008, VKSNDTC lại có văn bản gửi Bộ chủ quản đề nghị xử lý hành chính về hành vi thiếu trách nhiệm trong một vụ án. Ngày 25/4/2008, ông V. đã có văn bản gửi giải trình và kiến nghị một số vấn đề về tố tụng và xử lý đối với ông. Theo đó, ông V. cho rằng việc VKSNDTC miễn TNHS đối với ông về tội thiếu trách nhiệm nhưng lại kiến nghị Bộ chủ quản xử lý hành chính đối với ông cùng về hành vi này là trái với quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính...

Dưới góc độ *pháp lý*, chúng tôi cho rằng, việc VKSNDTC kiến nghị Bộ chủ quản xử lý hành chính đối với ông V. là có cơ sở pháp lý và thực tiễn. Bởi lẽ, không xử lý hình